

Bản án số: 33/2025/HC- PT

Ngày: 10 - 03 - 2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông: Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán:

ông Lê Văn Thường

ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Quang Toàn - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 125/2025/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”; do Bản án hành chính sơ thẩm số 105/2025/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292A/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: ông Lương Văn H, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: Thôn F, xã C, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: ông Phạm Hữu H1; địa chỉ: Số E Q, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy uỷ quyền được công chứng tại Văn phòng C số 0071063 ngày 10/12/2024); có đơn xin xét xử vắng mặt.

2- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Duy H2 – Phó Chủ tịch UBND xã E (Theo Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 v/v ủy quyền tham gia tố tụng). địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH MTV L1. Địa chỉ: Số B N, thị trấn E, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk; vắng.

3.2. Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND xã C: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E; địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk; vắng.

3.3. Bà Dương Thị N, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Thôn F, xã C, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ liên lạc: Số E Q, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; vắng.

3.4. Ông Lương Văn S; địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk; vắng.

4. *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Lương Văn H (thông qua ông Phạm Hữu H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Hữu H1 trình bày:***

Vào tháng 5/2024, ông H nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Không Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, ông H đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên, cụ thể là việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của ông H nhưng UBND huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024 – 03/7/2024, Ủy ban nhân dân huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2024 UBND xã C ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất cho ông H.

Ông Lương Văn H - Người bị thu hồi thửa đất số 38, 30, 25 tờ bản đồ số 10 tại Thôn F, xã C, huyện E, Đắk Lắk để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk làm đơn khởi kiện đề:

Thứ nhất, ông H đề Hữu cơ quan chức năng xem xét hủy bỏ dự án thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất của ông H. Vì diện tích đất trên của ông H đã được khai phá, được canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình, nên việc thu hồi đất của ông H để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình ông H vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác.

Thứ hai, nếu thu hồi đất đối với các thửa đất số 38, 30, 25 bản đồ số 10 thì phải bồi thường cho gia đình ông H theo quy định pháp luật, cụ thể vì những căn cứ sau:

- Ông H theo bố ông H là Lương Văn S từ H, Cao Bằng chuyển vào địa phương xã C vào năm 1996 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận) để khai phá đất và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Bố ông H có nộp thuế đất vào năm 1998, 1999. Đến năm 2013 thì bố là Lương Văn S có cho ông H thửa đất số 38, 30, 25 tờ bản đồ số 10 (vì là bố cho con nên không lập văn bản cho tặng). Ông H nhận đất, tài sản gắn liền với đất và trực tiếp sản xuất nông nghiệp và dựa vào sản xuất nông nghiệp để sống, không có ngành nghề gì khác.

- Các thửa đất nêu trên được bố ông H là Lương Văn S khai phá vào năm 1996 và canh tác ổn định, việc khai phá và sử dụng ổn định có các minh chứng sau: 01 cây điều trồng năm 2000, 237 cây điều trồng năm 2007 và trồng nhiều cây khác. Việc thời điểm tạo lập cây trồng và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: có những cây trồng gia đình ông H canh tác rất tốt nên được cơ quan chuyên môn xác định chất lượng là loại A, cụ thể là 01 cây điều trồng năm 2000 loại A, 139 cây điều trồng năm 2007 loại..... Theo biên bản kiểm đếm ngày 27/6/2024).

- Việc khai phá đất và sử dụng ổn định lâu dài của gia đình ông H được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kì làm chứng.

- Ông H sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình ông H là do bố ông H là Lương Văn S khai hoang vào năm 1996 và sử dụng ổn định, đến năm 2013 thì bố ông H cho ông H, ông H đã nhận đất, tài sản trên đất và canh tác

ổn định đến nay. Nên khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình ông H theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì: căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

Tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đất Đai năm 2013 đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

Tại điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất Đai đã quy định: trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N1, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở, không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại Khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định “Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, ông H nhận được Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc thu hồi đất; Quyết định số 278/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông H lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 132.020.240 đồng.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông H. Ông Lương Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn H.

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 và hủy bỏ một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn H.

- Buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định pháp luật đối với hộ ông Lương Văn H.

*** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E trình bày:**

I. Về trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất: UBND huyện thực hiện đúng, đủ quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

II. Về việc bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ các chế độ ổn định đời sống và chuyển đổi nghề nghiệp đối với hộ ông Lương Văn H.

1. Nguồn gốc đất: Căn cứ theo xác nhận số 07/GXN-UBND ngày 19/9/2022 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông Lương Văn H thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lần, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.1035.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

2. Căn cứ bồi thường về đất:

Căn cứ điều 82 của Luật đất đai năm 2013;

“Điều 82. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất. Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này:

2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;”

Tại điều 64 của Luật đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 64. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:

a) Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm; nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

b) Người sử dụng đất có ý hủy hoại đất;

c) Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

d) Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

e) Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

g) Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

h) Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 238, 30, 35 tháng liên tục;

i) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 238, 30, 35 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 238, 30, 35 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng."

Đất của hộ ông Lương Văn H đang sử dụng thuộc điểm đ, khoản 1 điều 64 của luật đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất.

3. Căn cứ về bồi thường tài sản gắn liền với đất.

Căn cứ điều 92 của Luật đất đai năm 2013:

“Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất.

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng."

Tài sản gắn liền với đất của hộ ông Lương Văn H thuộc khoản 1, điều 92 của Luật đất đai năm 2013 nên không được bồi thường.

4. Căn cứ về hỗ trợ ổn định đời sống.

Căn cứ khoản 2, điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

“2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.”

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Lương Văn H có nguồn gốc lấn chiếm của công ty TNHH MTV L1, không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

5. Căn cứ về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm.

Căn cứ khoản 1, điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

“Điều 20. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 110 của Luật này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.”

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Lương Văn H không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

*** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện E là Chủ tịch UBND xã E trình bày:**

1. Nguồn gốc sử dụng đất của khu vực Khu cánh đồng màu thuộc dự án Hồ C thượng thuộc thôn D, thôn F, xã C: Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH L1 hạng mục điểm tái định cư số 1 - Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C là 2.741.492 m².

Nguồn gốc sử dụng của khu đất thực hiện công trình Khu trồng màu thuộc Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ- UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. (Tiền thân của Lâm trường Ea K là Xí nghiệp L2 được thành lập theo Quyết định số 749/QĐ-UB ngày 28/6/1986 của UBND tỉnh Đ).

2. Ý kiến của UBND xã E đối với việc nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất đối với hộ Ông Lương Văn H:

- Qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã thì các thửa đất thu hồi của hộ gia đình Ông Lương Văn H (các thửa đất số 30, 25, 38 mảnh trích đo số 10-2022) thuộc thửa đất số 74,100 tờ bản đồ số DC02 (Theo Trích lục bản đồ địa chính số 112/TLVPĐKQSDĐ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 09/4/2008) do Công ty TNHH L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Lâm trường L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp (Diện tích trên địa bàn xã C nay là xã E là 37.206.758 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204409, thời hạn sử dụng đất từ 15/10/1993 đến 15/10/2043).

- Khu đất dự kiến thu hồi đã được UBND huyện E ban hành Thông báo chủ trương thu hồi đất số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 về việc thu hồi đất của Công ty TNHH L1 hạng mục điểm tái định cư số 1 Khu trồng màu tại thôn D, thôn F xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là thôn D, thôn F xã E với tổng diện tích thu hồi để thực hiện dự án tại xã C (nay là xã E) là 2.741.492 m². Thông báo thu hồi đất nêu chủ sử dụng đất hợp pháp là Công ty TNHH L1.

Theo quy định tại khoản 1, điều 7, Luật đất đai năm 2013 về người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất; Quy định tại khoản 1, điều 7 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại mục 3, Công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Đ để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất; Mục 1, Công văn số 8370/UBND-NNMT ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh thì Công ty TNHH

L1 đã được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp, do đó thời điểm hộ gia đình Ông Lương Văn H lần, chiếm đất để sử dụng phải căn cứ trên cơ sở xác nhận thời điểm lần, chiếm của Công ty TNHH L1.

Căn cứ Công văn số 42/CV-Cty ngày 8/9/2022 của Công ty TNHH L1 cung cấp UBND xã đã xác nhận hộ gia đình Ông Lương Văn H lần, chiếm đất Công ty TNHH L1 năm **2009**. (có kèm theo các hồ sơ căn cứ để xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất thời điểm tạo lập tài sản trên đất).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn S trình bày:**

Tôi là bố của Lương Văn H, tôi từ H, Cao Bằng chuyển vào địa phương xã C vào năm 1996 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận) để khai phá đất và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Tôi có nộp thuế đất vào năm 1998, 1999. Các thửa đất nêu trên được tôi khai phá vào năm 1996 và canh tác ổn định, việc khai phá và sử dụng ổn định không bị xử phạt hay ngăn cản. Đến năm 2010 thì tôi có cho con tôi là Lương Văn H thửa đất đang bị UBND huyện E thu hồi (vì là bố cho con nên không lập văn bản cho tặng). Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

*** Tại bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N trình bày:** Tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lương Văn H.

*** Công ty TNHH MTV L1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.**

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 105/2025/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng Hành chính.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

Áp dụng Điều 62, 64, 66, 67, 69, Điều 74, 75, 77, Điều 82, 84, 89 và Điều 90, 92 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 19, Điều 20 Quyết

định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện ông Lương Văn H về yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn H.

- Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của UBND huyện E ban hành về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn H.

- Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện E là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Lương Văn H về phần hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đất 6765,7 m² thuộc thửa đất số 25, các thửa đất số 30, 38 và hỗ trợ về cây trồng đối với phần diện tích đất 6765,7 m² thuộc thửa đất số 25 theo quy định pháp luật.

[2]. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn H.

- Yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 08/8/2025, người khởi kiện ông Lương Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác nhận lại thời điểm sử dụng đất và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bồi thường về đất, bồi thường về tài sản, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo bảng giá hiện hành.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Đại diện người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời có bản trình bày ý kiến không đồng ý với nội dung cho rằng ông H lấn chiếm đất, ông H xác định thời điểm khai phá năm 1996 và tạo lập tài sản trên đất vào năm 2007. Đề nghị được xác định thời điểm như trên và được bồi thường chứ không phải hỗ trợ về đất và tài sản trên đất.

Ý kiến của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều được đảm bảo, phù hợp với các quy định của pháp luật. Xem xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy không có tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lương Văn H khởi kiện yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 279/QĐ-UBND do UBND Huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Lương Văn H. Hủy bỏ một phần Quyết định số 278/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2022 và hủy bỏ một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất. Buộc Ủy ban nhân dân huyện E bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định của pháp luật đối với hộ ông Lương Văn H.

Ông Lương Văn H xác định ngày 14/6/2024 ông H mới nhận được các Quyết định nêu trên, người bị kiện không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ liên quan

đến việc tổng đạt, niêm yết các quyết định nêu trên. Do đó có cơ sở chấp nhận về thời điểm ông H nhận được các quyết định trên vào ngày 14/6/2024. Ngày 22/12/2024, ông Lương Văn H khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Kể từ ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk chấm dứt hoạt động. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai thì kể từ ngày 01/7/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ khoản 3 Điều 59 của Luật Tố tụng hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk trong vụ án hành chính.

[2]. Xem xét về thời điểm sử dụng đất và yêu cầu được bồi thường về đất:

Theo Quyết định thu hồi đất số 279/QĐ – UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện E và theo trích lục bản đồ địa chính thì diện tích đất hộ ông Lương Văn H bị thu hồi gồm các thửa đất số 38, 30, 25 tờ bản đồ số 10 tại thôn F, xã C.

Tại bảng tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 23/12/2023 của UBND huyện E thể hiện hộ ông Lương Văn H không được hỗ trợ về đất. Tuy nhiên, tại bảng tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E thể hiện hộ ông Lương Văn H được hỗ trợ về đất với tỷ lệ 50%. Ông H không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi.

Tại Công văn số 42/Cty ngày 08/9/2022 của Công ty TNHH MTV L1 và Danh sách xác nhận thời điểm lần chiếm và thời điểm giao khoán đất kèm theo Công văn số 42 (Bút lục 105-106) thể hiện: *Toàn bộ diện tích dự kiến thu hồi lần chiếm năm 2009 thuộc khoảnh 5, khoảnh 6 tiểu khu F và khoảnh 1 tiểu khu 693 theo quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.*

Tại kết quả xác nhận số 31/GXN-UBND ngày 26/8/2024 (*Thay thế cho kết quả xác nhận số 07/GXN-UBND ngày 19/9/2022*) của UBND xã C (bút lục số 51-52) thể hiện nguồn gốc sử dụng đất đối với các thửa đất bị thu hồi của hộ ông Lương Văn H có nguồn gốc như sau:

- Thừa đất số 30, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất: Lấn, chiếm đất của Công ty L1 tháng **3/2004**; Diện tích đất thuộc Công ty TNHH MTV L1 theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND, ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686m² đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Xác định việc sử dụng đất ổn định: Từ tháng 3/2004 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Thừa đất số 25, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất:

+ Diện tích 6765,7 m² lấn, chiếm đất của Công ty L1 tháng **3/2004**; Diện tích đất thuộc Công ty TNHH MTV L1 theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND, ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686m² đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp.

+ Diện tích 4895,2 m² lấn, chiếm đất của Công ty L1 năm **2005**; Diện tích đất thuộc Công ty TNHH MTV L1 theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND, ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp .

- Thừa đất số 38, xác nhận nguồn gốc đất: Lấn, chiếm đất của Công ty L1 tháng **3/2004**; Diện tích đất thuộc Công ty TNHH MTV L1 theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND, ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Xác định việc sử dụng đất ổn định: Từ tháng 3/2004 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, có căn cứ xác định các thửa đất của hộ gia đình ông Lương Văn H bị thu hồi có nguồn gốc là đất lấn chiếm của Công ty L1 do Nhà nước giao cho Lâm trường Ea Kar quản lý, sử dụng theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686 m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM204409 ngày 18/07/2008 cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Thời gian sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043 (bút lục số 178-179).

Ông Lương Văn H trình bày diện tích đất thu hồi được cha của ông là ông Lương Văn S khai hoang từ năm 1996, đến năm 2013 thì ông S tặng cho ông H nhưng khi tặng cho không lập văn bản. Quá trình khai hoang quản lý và sử dụng đất cho đến nay không bị lập biên bản vi phạm hay ngăn chặn. Tuy nhiên, các diện tích đất này đã được nhà nước giao cho Lâm trường Ea Kar quản lý, sử dụng; trên hồ sơ địa chính không có tên ông S hay ông H; nên không có căn cứ sử dụng đất.

Ngày 23/12/2022, UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 279 thu hồi 282.717,5 m² đất của Công ty TNHH MTV L1, để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (Khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có phần diện tích đất của hộ gia đình ông Lương Văn H đang canh tác.

Tại khoản 3 Điều 82 của Luật đất đai năm 2013 quy định “*Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: 3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;*”

Tại điểm Điều 64 của Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai: 1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm: đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;*”

Các thửa đất của hộ ông Lương Văn H đang sử dụng thuộc điểm đ, khoản 1 điều 64 của Luật đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, ông Lương Văn H khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 278 và Quyết định số 461 của UBND huyện E để được **bồi thường về đất** đối với phần diện tích đất bị thu hồi là không có căn cứ.

[3] Về mức hỗ trợ về đất thì bản án sơ thẩm đã xem xét, nhận định và quyết định các mức hỗ trợ. Phần nội dung này không có kháng cáo nên không xem xét.

[4] Xem xét kháng cáo về yêu cầu bồi thường tài sản gắn liền với đất.

Căn cứ điều 92 của Luật đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất.

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.”

Tài sản gắn liền với đất của hộ ông Lương Văn H thuộc khoản 1 Điều 92 của Luật đất đai năm 2013 nên ông H yêu cầu được **bồi thường tài sản** gắn liền với đất là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Do đất thu hồi có nguồn gốc lấn chiếm, nên hộ ông Lương Văn H không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông H.

[6] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án sơ thẩm đã nhận định và quyết định có căn cứ; người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, do đó giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Lương Văn H là người dân tộc thiểu số sống ở địa bàn khó khăn nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lương Văn H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 105/2025/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Lương Văn H được miễn án phí phúc thẩm.

3. Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị thì Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ IV-TAND tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long